

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HS-ST

Ngày 14 - 02 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Kha

Ông Võ Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Dương Phi Cát – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2020/TLST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2020/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: Quách T K, sinh năm: 1987 (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh C; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Quách T Q và bà Nguyễn T D; Vợ: Võ Thị C C; Con: 01 người; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/10/2019 cho đến nay.

- Bị hại: Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn H

Địa chỉ: Lầu 00 Tòa nhà G, C P, phường 6, quận B, thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn X T, sinh năm 1984 - Chức vụ: Trưởng nhóm điều tra nội bộ (Có mặt)

Địa chỉ: Số 0, đường 00, p, quận G, thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn H (gọi tắt là "H") là Công ty tài chính cấp tín dụng tiêu dùng cho khách hàng vay cá nhân là công dân Việt Nam. Theo quy định, để được H chấp thuận ký hợp đồng tín dụng cho vay tiền thì

khách hàng phải có Chứng minh nhân dân, Hộ khẩu hoặc Giấy phép lái xe bản chính để nhân viên H kiểm tra, đối chiếu.

Tháng 02 năm 2016, Công ty H tuyển dụng Quách T K làm giám sát kinh doanh của H tại C. Vai trò chính của K là quản lý nhân sự, tuyển dụng nhân viên và hợp tác kinh doanh với các đối tác. Trong thời gian làm việc tại H (từ tháng 02/2016 đến tháng 8/2016), K bị mất cân đối và gặp khó khăn về tài chính. K phát hiện Công ty cho khách hàng vay tiền, mua hàng trả góp thủ tục đơn giản, có nhiều sơ hở nên đã nảy sinh ý định dùng Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu hoặc giấy phép lái xe của người khác để giả tên của họ làm hồ sơ vay tiền, mua hàng để chiếm đoạt tiền của Công ty H. Thực hiện ý định đó, K đã có hành vi gian dối để làm hợp đồng vay chiếm đoạt của Công ty H trên 04 hợp đồng tín dụng với tổng số tiền là 40.000.000 đồng. Cụ thể các lần như sau:

Lần thứ nhất:

Vào khoảng tháng 7/2016, anh Lê T D, sinh năm 1995, trú tại ấp 0, xã K, huyện U, tỉnh C có nộp hồ sơ cho Quách T K để xin việc làm, trong hồ sơ có giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình của anh D đã được phô tô và công chứng. Ngày 12/7/2016, K mang giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình của anh D đến Công ty Cổ phần thiết bị B thuộc phường 0, thành phố C gặp Tạ K là nhân viên giới thiệu dịch vụ của Công ty H để làm hợp đồng vay tiền của Công ty H để mua Ipad trả góp. Tại đây, K cung cấp thông tin có liên quan và nói với K là làm hợp đồng vay cho người quen. Vì tin tưởng K là quản lý và nghĩ là K đã đối chiếu với tài liệu gốc nên K đã ghi và ký xác nhận là đã đối chiếu với chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gốc. Sau khi được Công ty thẩm định, chấp nhận và in hợp đồng vay, thì K mang hồ sơ đi nơi khác giả tên anh D để ký vào Hợp đồng tín dụng số ED004183761 ngày 12/7/2016 để vay số tiền là 10.000.000 đồng. K mua Ipad với giá 12.490.000 đồng, K trả trước cho Công ty Cổ phần thiết bị B 2.790.000 đồng. Sau khi nhận được Ipad, K mang đi bán lại cho một người không quen biết với giá 7.000.000 đồng.

Lần thứ hai:

Khoảng tháng 8/2016, K đến thị trấn Đ gặp ông Lê C H, sinh năm 1969, trú khu vực 0, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh C để thỏa thuận việc làm hồ sơ cho khách hàng vay vốn tại Công ty H. Ông H đồng ý và cung cấp giấy tờ tùy thân theo yêu cầu của K gồm: 02 Giấy chứng minh nhân dân và 02 Giấy phép lái xe phô tô mang tên Lê C H và Phạm T N (vợ ông H). Ngày 15/8/2016, K mang giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe của ông H đến Công ty Cổ phần Thiết bị B thuộc phường 0, thành phố C gặp Lưu Thị T H là nhân viên giới thiệu dịch vụ để cung cấp thông tin làm hợp đồng vay tiền của Công ty H để mua Ipad. Tại đây, K nói với H là làm hợp đồng vay tiền cho người thân. Vì tin tưởng K là quản lý nên H ghi và ký xác nhận đã đối chiếu với giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe gốc. Sau khi hồ sơ được thẩm định và duyệt, K mang hồ sơ đi nơi khác rồi giả tên của ông H để ký vào Hợp đồng tín dụng số ED004418910 ngày 15/8/2016 với nội dung vay số tiền 10.000.000 đồng, mua Ipad giá 12.490.000 đồng, K trả trước cho Công ty Cổ phần thiết bị B 2.790.000 đồng.

Sau khi nhận được Ipad, K mang đi bán lại cho một người nam không rõ họ tên, địa chỉ với giá là 6.800.000 đồng.

Lần thứ ba:

Đến ngày 18/8/2016, K mang giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe phôtô mang tên Phạm T N đến Công ty Cổ phần thiết bị B làm hồ sơ vay tiền của Công ty H để mua điện thoại di động trả góp. Tại đây, K cung cấp thông tin cho Phan T A là nhân viên giới thiệu dịch vụ của Công ty H và nói dối với A là K làm hợp đồng vay cho người thân. Sau khi hồ sơ được thẩm định và chấp thuận cho khách hàng Phạm T N vay tiền, K mang hồ sơ đi nơi khác và giả tên bà N để ký vào Hợp đồng tín dụng số ED004448732 ngày 19/8/2016 với nội dung vay số tiền 10.000.000 đồng, mua điện thoại Samsung giá 13.990.000 đồng, K trả trước cho Công ty Cổ phần thiết bị B 3.990.000 đồng. K nhận điện thoại mang đi bán lại cho một người nữ không rõ họ tên và địa chỉ với giá 7.300.000 đồng.

Lần thứ tư:

Vào khoảng tháng 8/2016, chị Lê Thị H M, sinh năm 1987, trú tại ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh C có nộp hồ sơ cho Quách T K để xin việc làm, trong hồ sơ có giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình của chị M (bản phôtô công chứng). Ngày 30/8/2016, K mang giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình của chị M đến Công ty Cổ phần thiết bị B thuộc phường O, thành phố C làm hợp đồng vay tiền của Công ty H để mua điện thoại trả góp. Tại đây, K gặp và cung cấp thông tin cho nhân viên Phan T A và nói dối là làm hợp đồng vay tiền dùm cho người thân. Sau khi được Công ty thẩm định, chấp nhận và in hợp đồng vay, thì K nhờ một người không rõ họ tên để giả tên chị M để ký vào Hợp đồng tín dụng số ED004517471 ngày 30/8/2016 với số nội dung vay số tiền là 10.000.000 đồng. K mua điện thoại di động hiệu Samsung với giá 13.990.000 đồng, K trả trước cho Công ty Cổ phần thiết bị B 3.990.000 đồng. Sau khi nhận được điện thoại, K mang đi bán lại cho một người không quen biết với giá 7.200.000 đồng.

Theo kết luận giám định số 78/GĐ-2019 ngày 29/6/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh C, kết luận:

1. Chữ ký dạng chữ viết đọc được "D" và chữ viết họ tên "Lê T D" dưới mục "**Bên vay**"; "**Người nộp tiền - Khách hàng**" trên "**ĐỀ NGHỊ CẤP TÍN DỤNG KIỂM HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG**" số: ED004183761, ngày 12/7/2016; "**THÔNG BÁO (về việc: chỉ định cơ quan giải quyết tranh chấp và sử dụng thông tin cá nhân)**" họ tên bên vay Lê T D; "**PHIẾU BÁN HÀNG**" ngày 12/7/2016 (ký hiệu A1 đến A3) so với chữ ký dạng chữ viết đọc được "D", phía dưới chữ ký có họ tên "Lê T D" và chữ viết trên "**Tờ tường thuật**" ngày 13/6/2019; "**TỜ TƯỜNG TRÌNH**" ngày 02/3/2019, ghi họ tên Quách T K (Ký hiệu M1; M2) là do cùng một người ký và viết ra.

2. Chữ ký, chữ viết họ tên "Lê C H", dưới mục "**Bên vay**"; "**Người nộp tiền - Khách hàng**" trên "**ĐỀ NGHỊ CẤP TÍN DỤNG KIỂM HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG**" số: ED004418910, ngày 15/8/2016; "**THÔNG BÁO (về việc: chỉ định cơ quan giải quyết tranh chấp và sử dụng thông tin cá nhân)**" họ tên

bên vay Lê C H; "**PHIẾU BÁN HÀNG**" ngày 15/8/2016 (Ký hiệu từ **A4** đến **A6**) so với chữ ký, phía dưới chữ ký có họ tên Lê C H và chữ viết trên "**Tờ tường thuật**" ngày 13/6/2019; "**TỜ TƯỜNG TRÌNH**" ngày 02/3/2019, ghi họ tên Quách T K (Ký hiệu **M1; M2**) là do cùng một người ký và viết ra.

3. Chữ ký, chữ viết họ tên "**Phạm T N**", "**Phạm T N**", dưới mục "**Bên vay**"; "**Người nộp tiền - Khách hàng**" trên "**ĐỀ NGHỊ CẤP TÍN DỤNG KIỂM HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG**" số: ED004448732, ngày 19/8/2016; "**THÔNG BÁO (về việc: chỉ định cơ quan giải quyết tranh chấp và sử dụng thông tin cá nhân)**" họ tên bên vay Phạm T N; "**PHIẾU BÁN HÀNG**" ngày 19/8/2016 (Ký hiệu từ **A7** đến **A9**) so với chữ ký, phía dưới chữ ký có họ tên Phạm T N và chữ viết trên "**Tờ tường thuật**" ngày 13/6/2019; "**TỜ TƯỜNG TRÌNH**" ngày 02/3/2019, ghi họ tên Quách T K (Ký hiệu **M1; M2**) là do cùng một người ký và viết ra.

4. Chữ ký dạng chữ viết đọc được "**m**" và chữ viết họ tên "**Lê Thị H M**" dưới mục "**Bên vay**"; "**Người nộp tiền - Khách hàng**" trên "**ĐỀ NGHỊ CẤP TÍN DỤNG KIỂM HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG**" số: ED004517471, ngày 30/8/2016; "**THÔNG BÁO (về việc: chỉ định cơ quan giải quyết tranh chấp và sử dụng thông tin cá nhân)**" họ tên bên vay Lê Thị H M; "**PHIẾU BÁN HÀNG**" ngày 29/8/2016 (Ký hiệu từ **A10** đến **A12**) so với chữ ký dạng chữ viết đọc được "**m**", phía dưới chữ ký có họ tên Lê Thị H M và chữ viết trên "**Tờ tường thuật**" ngày 13/6/2019; "**TỜ TƯỜNG TRÌNH**" ngày 02/3/2019, ghi họ tên Quách T K (Ký hiệu **M1; M2**) là không phải do cùng một người ký và viết ra.

Tại bản Cáo trạng số: 15/CT-VKS ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau truy tố bị cáo Quách T K về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Quách T K khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã nêu và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Đại diện bị hại đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định pháp luật và buộc bị cáo trả số tiền chiếm đoạt 40.000.000 đồng, không yêu cầu bị cáo trả số tiền lãi và tiền phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Quách T K từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả lại cho bị hại tổng số tiền 40.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo Quách T K tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Từ đó, có đủ cơ sở để kết luận: Quách T K là nhân viên giám sát kinh doanh của Công ty H. Trong khoảng thời gian từ ngày 12/7/2016 đến ngày 30/8/2016, bằng thủ đoạn gian dối, Quách T K đã nhiều lần sử dụng bản photo giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu mang tên Lê T G, Lê Thị H M; Sử dụng bản photo giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe mang tên Lê C H, Phạm T N để giả danh, cung cấp thông tin khách hàng rồi ký và nhờ người khác ký vào hợp đồng tín dụng với Công ty H để vay tiền mua điện thoại di động, Ipad nhằm chiếm đoạt tài sản của Công ty. Mỗi lần vay là 10.000.000 đồng, tổng số tiền chiếm đoạt là 40.000.000 đồng nhằm mục đích tiêu xài cá nhân.

Khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau truy tố bị cáo Quách T K về tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”* theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, đúng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[3] Về trách nhiệm hình sự: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu của người khác một cách trái pháp luật, ảnh hưởng đến tình hình trật tự ở địa phương. Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có năng lực hành vi dân sự bình thường, bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì bản chất xem thường pháp luật và vụ lợi cho bản thân nên bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền 40.000.000 đồng của người bị hại. Do đó, cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, bị cáo Kết đã bốn lần thực hiện hành vi phạm tội chiếm đoạt tài sản nên thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục xong phần hậu quả cho bị hại, bị cáo có nhân thân tốt, gia đình bị cáo có công với cách mạng. Do

đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có địa chỉ rõ ràng, nhân thân tốt nhưng do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, do đó yêu cầu của bị cáo xin được hưởng án treo là không đúng với quy định của pháp luật nên không được chấp nhận. Cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm trong tình hình hiện nay.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo trả lại cho bị hại số tiền chiếm đoạt 40.000.000 đồng. Ngày 18/6/2019 bị cáo đã nộp 40.000.000 đồng tại Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả cho bị hại.

Đối với yêu cầu của bị hại buộc bị cáo phải trả số tiền lãi và phí phạt 17.992.514 đồng. Tại phiên tòa, đại diện bị hại không yêu cầu bị cáo phải trả số tiền lãi và phí phạt nêu trên. Xét đây là sự tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 giấy ủy nhiệm chi ngày 02/01/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cà Mau, số tiền ủy nhiệm chi 40.000.000 đồng. Đây là tiền bị cáo nộp khắc phục cho bị hại nên bị hại được nhận khi án có hiệu lực pháp luật.

[7] Đối với Tạ K, Lưu Thị T H và Phan T A, không biết việc Quách T K sử dụng giấy tờ của người khác để làm hợp đồng vay nhằm chiếm đoạt tiền của Công ty H nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cà Mau không đề cập để xử lý trong vụ án này là phù hợp.

[8] Bị cáo phạm tội bị xét xử nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Quách T K phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về trách nhiệm hình sự: Xử phạt bị cáo Quách T K 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ bị cáo chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo trả cho bị hại tổng số tiền 40.000.000 đồng. Ngày 18/6/2019 bị cáo đã nộp khắc phục xong cho bị hại số tiền 40.000.000 đồng (Giấy Ủy nhiệm chi ngày 02/01/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cà Mau. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Quách T K phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- VNSND thành phố Cà Mau;
- Công an thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kiều Trang